# BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

| | |
|---|---|
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 18/2019/TT-BTTTT | *Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2019* |

## THÔNG TƯ

**Ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành"**

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc, định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng Dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành (QCVN 120:2019/BTTTT).

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Tin học hóa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Mạnh Hùng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# QCVN 120:2019/BTTTT

# QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CẤU TRÚC, ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU GÓI TIN PHỤC VỤ KẾT NỐI CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA VỚI CỔNG DỊCH VỤ CÔNG, HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA ĐIỆN TỬ CẤP BỘ, CẤP TỈNH VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH

***National technical regulation ondata format of message to connect national public service portal with public ministerial, provincal service portals, one-stop information systems and national, sector - specific database systems***

**HÀ NỘI - 2019**

**Mục lục**

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

1.2. Đối tượng áp dụng

1.3. Tài liệu viện dẫn

1.4. Giải thích từ ngữ

1.5. Ký hiệu và chữ viết tắt

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Yêu cầu đối với các gói tin cơ bản phục vụ kết nối Cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia

2.2. Yêu cầu về định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT với Cổng DVC quốc gia

2.2.1. Yêu cầu về định dạng dữ liệu các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

2.2.2. Yêu cầu về định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công

2.2.3. Yêu cầu về định dạng dữ liệu gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

2.2.4. Yêu cầu về định dạng dữ liệu gói tin về chia sẻ thông tin dữ liệu về TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

2.2.5. Yêu cầu về định dạng dữ liệu các gói tin chia sẻ thông tin phản ánh kiến nghị

2.2.6. Yêu cầu về định dạng dữ liệu các gói tin về thông tin trả lời góp ý, hỏi đáp

3. PHƯƠNG PHÁP ĐO

4. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

5. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phụ lục A (Tham khảo) Ví dụ về cấu trúc các gói tin phục vụ kết nối tích hợp với Cổng DVC quốc gia dưới dạng JSON

**Lời nói đầu**

QCVN 120:2019/BTTTT do Cục Tin học hóa biên soạn, Vụ Khoa học và Công nghệ trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2019.

# QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CẤU TRÚC, ĐỊNH DẠNG DỮ LIỆU GÓI TIN PHỤC VỤ KẾT NỐI CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA VỚI CỔNG DỊCH VỤ CÔNG, HỆ THỐNG THÔNG TIN MỘT CỬA ĐIỆN TỬ CẤP BỘ, CẤP TỈNH VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA, CHUYÊN NGÀNH

***National technical regulation on data format of message to connect national public service portal with publicministerial, provincal service portals, one-stop information systems and national, sector - specific database systems***

## 1. QUY ĐỊNH CHUNG

### 1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định các yêu cầu kỹ thuật về:

- Các gói tin cơ bản phục vụ kết nối Cổng Dịch vụ công (DVC) và hệ thống thông tin một cửa điện tử (MCĐT) cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia

- Định dạng dữ liệu gói tin cơ bản phục vụ kết nối Cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia, bao gồm: gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công; gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; gói tin về chia sẻ thông tin dữ liệu về thủ tục hành chính (TTHC) trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; gói tin chia sẻ thông tin phản ánh kiến nghị; gói tin về thông tin trả lời góp ý, hỏi đáp.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tới các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành sẽ tuân thủ theo các quy định kỹ thuật của từng cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành do Bộ chủ quản xây dựng và ban hành theo quy định pháp luật hiện hành.

### 1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hoạt động sản xuất, cung cấp, khai thác và sử dụng giải pháp xây dựng Cổng DVC quốc gia, Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh.

### 1.3. Tài liệu viện dẫn

Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thông tư số 01/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.

QCVN số 102:2016/BTTTT ngày 01 tháng 4 năm 2016 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

**1.4. Giải thích từ ngữ**

**1.4.1. Cổng Dịch vụ công quốc gia**

Cổng tích hợp thông tin về dịch vụ công trực tuyến, tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở kết nối, truy xuất dữ liệu từ các hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các giải pháp hỗ trợ nghiệp vụ, kỹ thuật do Văn phòng Chính phủ thống nhất xây dựng, quản lý.

**1.4.2. Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh**

Cổng tích hợp thông tin về dịch vụ công trực tuyến, về tình hình giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở tích hợp và chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh.

**1.4.3. Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh**

Hệ thống thông tin nội bộ có chức năng hỗ trợ việc tiếp nhận, giải quyết, theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với hệ thống quản lý văn bản để xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh để đăng tải công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến.

**1.4.4. Cơ sở dữ liệu quốc gia**

Tập hợp thông tin của một hoặc một số lĩnh vực kinh tế - xã hội được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập và sử dụng thông tin của các ngành kinh tế và phục vụ lợi ích công cộng.

**1.4.5. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành**

Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và là tập hợp thông tin được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập, sử dụng thông tin của mình và phục vụ lợi ích công cộng.

**1.5. Ký hiệu và chữ viết tắt**

| | |
|---|---|
| BNĐP | Bộ ngành địa phương |
| DVC | Dịch vụ công |
| CSDLQG | Cơ sở dữ liệu quốc gia |
| MCĐT | Một cửa điện tử |
| PAKN | Phản ánh kiến nghị |
| TTHC | Thủ tục hành chính |
| XML | eXtensible Markup Language (Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng) |
| JSON | JavaScript Object Notation (Ký hiệu đối tượng JavaScript) |

## 2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

**2.1. Yêu cầu đối với các gói tin cơ bản phục vụ kết nối Cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh với Cổng DVC quốc gia**

Các gói tin cơ bản phục vụ kết nối, tích hợp trong Quy chuẩn kỹ thuật này được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1 - Các gói tin phục vụ kết nối, tích hợp với Cổng DVC quốc gia**

| STT | Gói tin | Mô tả |
|---|---|---|
| 1 | Các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính | |
| 1.1 | DongBoHoSoMC | **Mục tiêu:** Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC từ Hệ thống thông tin MCĐT/Cổng DVC cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia (gửi hoặc cập nhật thông tin hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, |

| | | |
|---|---|---|
| | | phục vụ công dân, tổ chức tra cứu thông tin hồ sơ).<br>**Thành phần:** Bao gồm 27 trường thông tin. Các trường này được định dạng như quy định tại Bảng 2. |
| 1.2 | CapNhatTienDoHoSoMC | **Mục tiêu:** Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia, phục vụ công dân, tổ chức tra cứu tiến độ xử lý hồ sơ.<br>**Thành phần:** Bao gồm 09 trường thông tin và được định dạng như quy định tại Bảng 3. |
| 2 | Gói tin đồng bộ số liệu thăm dò ý kiến, đánh giá chất lượng dịch vụ hành chính công | |
| | DongBoDanhGia | **Mục tiêu:** Cập nhật số liệu thăm dò ý kiến người dùng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia<br>**Thành phần:** Bao gồm 08 trường thông tin được định dạng như quy định tại Bảng 4. |
| 3 | Gói tin đồng bộ số liệu thống kê về tiếp nhận, xử lý, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Statistic) | |
| 3.1 | DongBoThongKeHoSo | **Mục tiêu:** Cập nhật số liệu thống kê của của các cơ quan, đơn vị xử lý TTHC thuộc Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia.<br>**Thành phần:** Bao gồm 18 trường thông tin được định dạng như quy định tại Bảng 5.<br>GHI CHÚ:<br>- Gói tin này chỉ hỗ trợ thống kê các mốc thời gian cố định: Hàng tháng, hàng năm; |

| | | |
|---|---|---|
| | | - Trường hợp nếu muốn tổng hợp số liệu theo một khoảng thời gian bất kỳ: Bộ/tỉnh phải cung cấp Giao diện lập trình ứng dụng/dịch vụ để Cổng DVC quốc gia gọi lấy thông tin khi có yêu cầu. |
| 4 | Gói tin chia sẻ thông tin dữ liệu về TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC | |
| 4.1 | LayThuTuc | **Mục tiêu:** Cung cấp phương thức lấy thông tin thủ tục hành chính.<br>**Thành phần:** Bao gồm 25 trường thông tin được định dạng như quy định tại Bảng 6. |
| 4.2 | LayQDCB | **Mục tiêu:** Cung cấp phương thức lấy danh sách thông tin quyết định công bố thủ tục hành chính.<br>**Thành phần:** Bao gồm 05 trường thông tin được định dạng như quy định tại Bảng 7. |
| 5 | Gói tin chia sẻ, đồng bộ thông tin phản ánh kiến nghị | |
| 5.1 | Nhóm gói tin phục vụ cho BNĐP chia sẻ thông tin PAKN lên Cổng DVC quốc gia (PAKN: Câu hỏi, câu trả lời được đặt và xử lý PAKN trên Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh) | |
| 5.1.1 | DongBoPAKNDiaPhuong | **Mục tiêu:** Chia sẻ thông tin PAKN lên Cổng DVC quốc gia.<br>**Thành phần:** Bao gồm 23 trường thông tin được định dạng như quy định tại Bảng 8. |
| 5.2 | Nhóm gói tin phục vụ cho BNĐP lấy dữ liệu PAKN chờ xử lý trên Cổng DVC quốc gia của đơn vị mình và đồng bộ kết quả xử lý lên Cổng DVC quốc gia<br>(PAKN: Câu hỏi được lấy từ Cổng DVC quốc gia, câu trả lời xử lý tại PAKN trên Cổng DVC,Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh) | |
| 5.2.1 | DanhSachPAKNChoXuLy | **Mục tiêu:** Lấy danh sách phản ánh kiến nghị của người dân chờ xử lý trên Cổng DVC quốc gia. |

| | | |
|---|---|---|
| | | **Thành phần:** Bao gồm 24 trường của thông tin kết quả trả như quy định tại Bảng 9. |
| 5.2.2 | DongBoKetQuaXuLyPAKN | **Mục tiêu:** Chia sẻ kết quả trả lời PAKN lên Cổng DVC quốc gia (nội dung câu hỏi lấy từ Cổng DVC quốc gia).<br>**Thành phần:** Bao gồm 07 trường thông tin như quy định tại Bảng 10. |
| 5.2.3 | LayTaiLieuPAKN | **Mục tiêu:** Lấy thông tin tài liệu đính kèm của một phản ánh kiến nghị trên Cổng DVC quốc gia.<br>**Thành phần:** Bao gồm<br>- Thông tin gửi đi gồm 01 trường thông tin như quy định tại Bảng 11.<br>- Thông tin nhận về gồm 03 trường thông tin như quy định tại Bảng 12. |
| 5.3 | Nhóm gói tin phục vụ cho BNĐP lấy thông tin PAKN của đơn vị đã được xử lý và công khai trên Cổng DVC quốc gia về Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh. (PAKN: Câu hỏi và câu trả lời trên Cổng DVC quốc gia) | |
| 5.3.1 | DanhSachPAKNCongKhai | **Mục tiêu:** Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh lấy danh sách PAKN đã được Cổng DVC quốc gia tiếp nhận và công khai xử lý để hiển thị trên Cổng DVC của đơn vị.<br>**Thành phần:** Bao gồm 26 trường thông tin như quy định tại Bảng 13. |
| 6 | Các gói tin về thông tin trả lời góp ý, hỏi đáp | |
| 6.1 | Nhóm gói tin phục vụ BNĐP chia sẻ dữ liệu hỏi đáp từ Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia | |
| 6.1.1 | DongBoHoiDap | **Mục tiêu:** Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh đồng bộ hỏi đáp |

| | | |
|---|---|---|
| | | lên Cổng DVC quốc gia, câu hỏi người dân gửi từ Cổng của BNĐP.<br>**Thành phần:** Bao gồm 11 trường thông tin như quy định tại Bảng 14. |
| 6.2 | Nhóm gói tin phục vụ BNĐP lấy danh sách câu hỏi người dân, doanh nghiệp gửi trên Cổng DVC quốc gia và đồng bộ câu trả lời từ Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia. | |
| 6.2.1 | LayDanhSachHoiDapGuiTuDVCQG | **Mục tiêu:** Chia sẻ danh sách hỏi đáp từ Cổng DVC quốc gia cho Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh.<br>**Thành phần:** Bao gồm 12 trường thông tin như quy định tại Bảng 15. |
| 6.2.2 | DongBoKetQuaHoiDapGuiTuDVCQG | **Mục tiêu:** Đồng bộ kết quả hỏi đáp từ Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia.<br>**Thành phần:** Bao gồm 06 trường thông tin như quy định tại Bảng 16. |
| 6.3 | Nhóm gói tin phục vụ cho Cổng DVC quốc gia chia sẻ bộ câu hỏi - trả lời mà các Bộ ngành đã biên soạn gắn liền với các lĩnh vực TTHC cho tỉnh/thành phố | |
| 6.3.1 | LayDanhSachHoiDapBoCoQuan | **Mục tiêu:** Cổng DVC quốc gia chia sẻ bộ hỏi đáp được BNĐP biên soạn theo từng thủ tục hành chính cho BNĐP.<br>**Thành phần:** Bao gồm 11 trường thông tin như quy định tại Bảng 17. |

**2.2. Yêu cầu về định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối Cổng DVC và Hệ thống thông tin MCĐT với Cổng DVC quốc gia**

**2.2.1. Yêu cầu về định dạng dữ liệu các gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

Gói tin đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bao gồm gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC từ Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng DVC quốc gia (DongBoHoSoMC) và gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC (CapNhatTienDoHoSoMC).

**2.2.1.1. Yêu cầu về định dạng dữ liệu gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia**

Gói tin Đồng bộ hồ sơ giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ của Bộ/tỉnh lên Cổng DVC quốc gia (DongBoHoSoMC) gồm 27 trường thông tin cơ bản và được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON như quy định trong Bảng 2.

**Bảng 2 - Các trường thông tin DongBoHoSoMC**

| STT | Tên trường thông tin | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | MaTTHC | Kiểu string | Mã thủ tục hành chính trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC | Bắt buộc |
| 2 | TenTTHC | Kiểu string | Tên thủ tục hành chính trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC | Bắt buộc |
| 3 | MaHoSo | Kiểu string | Lấy hoặc thiết lập Mã số hồ sơ thủ tục hành chính đã được đơn vị thụ lý đồng ý tiếp nhận<br>Cấu trúc Mã số hồ sơ thủ tục hành chính được quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP | Bắt buộc |
| 4 | MaLinhVuc | Kiểu string | Mã lĩnh vực TTHC trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC | Bắt buộc |
| 5 | TenLinhVuc | Kiểu string | Tên lĩnh vực TTHC trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC | Bắt buộc |
| 6 | ChuHoSo | Kiểu string | Tên công dân, tổ chức đăng ký hồ sơ một cửa | Không bắt buộc |
| 7 | MaDoiTuong | Kiểu string | Mã đối tượng nộp hồ sơ để định danh hồ sơ cho tài khoản trên Cổng DVC Quốc gia | Không bắt buộc |

| STT | Tên trường thông tin | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| | | | Mã đối tượng nộp hồ sơ.<br>- Đối với người dân, Mã đối tượng là số CMT hoặc số thẻ căn cước công dân<br>- Đối với doanh nghiệp, Mã đối tượng là mã số doanh nghiệp<br>- Đối với cơ quan nhà nước, Mã đối tượng là mã định danh cơ quan, đơn vị theo Quy chuẩn số 102:2016/BTTTT<br>- Đối với tổ chức khác, Mã đối tượng là địa chỉ email chính thức của tổ chức đó | |
| 8 | LoaiDoiTuong | Kiểu integer | Thông tin của đối tượng nộp hồ sơ.<br>Bao gồm các đối tượng sau:<br>- 1: Người dân<br>- 2: Doanh nghiệp<br>- 3: Cơ quan nhà nước<br>- 4: Tổ chức khác | Bắt buộc |
| 9 | ThongTinKhac | Kiểu string | Thông tin khác của công dân hoặc tổ chức | Không bắt buộc |
| 10 | Email | Kiểu string | Địa chỉ thư điện tử của công dân hoặc tổ chức | Không bắt buộc |
| 11 | SoDienThoai | Kiểu string | Số điện thoại liên hệ của cá nhân hoặc tổ chức | Không bắt buộc |
| 12 | Fax | Kiểu string | Fax của công dân hoặc tổ chức | Không bắt buộc |
| 13 | TrichYeuHoSo | Kiểu string | Thông tin trích yếu của hồ sơ một cửa | Không bắt buộc |

| STT | Tên trường thông tin | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| 14 | NgayTiepNhan | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Thông tin ngày cơ quan/đơn vị hành chính nhà nước tiếp nhận hồ sơ | Bắt buộc |
| 15 | NgayHenTra | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Thông tin ngày hẹn trả hồ sơ một cửa theo quy định của thủ tục hành chính | Không Bắt buộc |
| 16 | NgayTra | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Thông tin ngày trả kết quả hồ sơ cho công dân, tổ chức | Không bắt buộc |
| 17 | ThongTinTra | Kiểu string | Thông tin trả kết quả xử lý hồ sơ | Không bắt buộc |
| 18 | HinhThuc | Kiểu integer | Thông tin về hình thức trả kết quả xử lý hồ sơ.<br>Các hình thức trả kết quả:<br>0 - Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả<br>1 - Trả kết quả qua đường bưu điện<br>2 - Trả kết quả trên môi trường mạng (kết quả có ký số) | Bắt buộc |
| 19 | NgayKetThucXuLy | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Thông tin ngày kết thúc xử lý hồ sơ | Không bắt buộc |
| 20 | DonViXuLy | Kiểu string | Tên cơ quan/đơn vị tiếp nhận và thụ lý hồ sơ một cửa. | Bắt buộc |
| 21 | TrangThaiHoSo | Kiểu integer | Thông tin về trạng thái của hồ sơ | Bắt buộc |
| 22 | GhiChu | Kiểu string | Ghi chú thông tin khác của hồ sơ | Không bắt buộc |

| STT | Tên trường thông tin | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| 23 | TaiLieuNop | Kiểu collection của TepDinhKem | Danh sách các tài liệu, danh mục giấy tờ nộp kèm hồ sơ theo quy định của thủ tục hành chính<br>Thông tin TepDinhKem bao gồm các trường thông tin:<br>- TepDinhKemID<br>- TenTepDinhKem<br>- DaXoa<br>- MaThanhPhanHoSo<br>- DuongDanTaiTep Tin | Không bắt buộc |
| 23.1 | TepDinhKemID | Kiểu integer | Định danh của tệp tin tài liệu trong Cổng DVC, Hệ thống thông tin MCĐT cấp bộ, cấp tỉnh | Không bắt buộc |
| 23.2 | TenTepDinhKem | Kiểu string | Tên tệp và định dạng tệp đính kèm. (Ví dụ: a.pdf, b.docx…) | Bắt buộc |
| 23.3 | DaXoa | Kiểu boolean | Giá trị chỉ ra tệp đính kèm này đã bị xóa | Không bắt buộc |
| 23.4 | MaThanhPhanHoSo | Kiểu string | Mã thành phần hồ sơ nếu tệp tin đính kèm là một thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính quy định | Không bắt buộc |
| 23.5 | DuongDanTaiTep Tin | Kiểu string | Đường dẫn tải tệp tin của tài liệu nộp | Bắt buộc |
| 24 | DanhSachLePhi | Kiểu collection của LePhi | Thông tin lệ phí đã thu kèm theo hồ sơ một cửa<br>Thông tin bao gồm:<br>- TenPhiLePhi<br>- MaPhiLePhi<br>- Gia<br>- HinhThucThu<br>- LoaiPhiLePhi | Không bắt buộc |
| 24.1 | TenPhiLePhi | Kiểu string | Tên Lệ phí | Bắt buộc |
| 24.2 | MaPhiLePhi | Kiểu string | Mã phí, lệ phí | Bắt buộc |

| STT | Tên trường thông tin | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| 24.3 | Gia | Kiểu decimal<br>Định dạng ab, cd | Số tiền thu | Bắt buộc |
| 24.4 | HinhThucThu | Kiểu integer | Thông tin về hình thức thu phí, lệ phí<br>Bao gồm các loại Lệ phí thu:<br>-1: Lệ phí thu khi tiếp nhận hồ sơ<br>- 2: Lệ phí thu khi bổ sung hồ sơ<br>- 3: Lệ phí thu khi trả kết quả | Bắt buộc |
| 24.5 | LoaiPhiLePhi | Kiểu integer | Thông tin loại phí hoặc lệ phí<br>Bao gồm:<br>- 0: Lệ phí<br>- 1: Phí | Bắt buộc |
| 25 | DanhSachTepDinhKemKhac | Kiểu collection của TepDinhKemKhac | Danh sách giấy tờ khác được nộp kèm theo hồ sơ một cửa<br>Thông tin TepDinhKemKhac bao gồm:<br>- TenGiayTo<br>- SoLuong<br>- LoaiGiayTo | Không bắt buộc |
| 25.1 | TenGiayTo | Kiểu string | Tên giấy tờ khác | Bắt buộc |
| 25.2 | SoLuong | Kiểu integer | Số lượng giấy tờ | Bắt buộc |
| 25.3 | LoaiGiayTo | Kiểu integer | Loại giấy tờ thu bao gồm:<br>-1: Giấy tờ thu khi tiếp nhận hồ sơ<br>-2: Giấy tờ thu khi bổ sung hồ sơ<br>-3: Giấy tờ thu khi trả kết quả | Bắt buộc |
| 26 | DanhSachHoSoBoSung | Kiểu collection của HoSoBoSung | Danh sách các yêu cầu bổ sung hồ sơ<br>Thông tin HoSoBoSung bao gồm:<br>- HoSoBoSungID<br>- NguoiYeuCauBoSung<br>- NoiDungBoSung<br>- NgayBoSung | Không bắt buộc |

| STT | Tên trường thông tin | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| | | | - NguoiTiepNhanBoSung<br>- ThongTinTiepNhan<br>- NgayTiepNhanBoSung<br>- TrangThaiBoSung<br>- DanhSachGiayToBoSung<br>- DanhSachLePhiBoSung<br>- NgayHenTraTruoc<br>- NgayHenTraMoi | |
| 26.1 | HoSoBoSungID | Kiểu integer | Định danh của yêu cầu bổ sung trong hệ thống cơ quan thụ lý | Bắt buộc |
| 26.2 | NguoiYeuCauBoSung | Kiểu string | Người gửi yêu cầu bổ sung | Bắt buộc |
| 26.3 | NoiDungBoSung | Kiểu string | Nội dung yêu cầu bổ sung | Bắt buộc |
| 26.4 | NgayBoSung | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Ngày gửi yêu cầu bổ sung | Bắt buộc |
| 26.5 | NguoiTiepNhanBoSung | Kiểu string | Người tiếp nhận bổ sung hồ sơ từ công dân, doanh nghiệp | Không bắt buộc |
| 26.6 | ThongTinTiepNhan | Kiểu string | Thông tin tiếp nhận bổ sung. | Không bắt buộc |
| 26.7 | NgayTiepNhanBoSung | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Ngày tiếp nhận bổ sung hồ sơ | Bắt buộc |
| 26.8 | TrangThaiBoSung | Kiểu boolean | Trạng thái bổ sung hồ sơ:<br>- True: Công dân đã bổ sung đầy đủ thủ tục hồ sơ<br>- False: Công dân không bổ sung hồ sơ (quá hạn bổ sung)<br>- Null: Công dân chưa bổ sung hồ sơ (còn hạn) | Bắt buộc |

| STT | Tên trường thông tin | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| 26.9 | DanhSachGiayToBoSung | Kiểu collection của TepDinhKem | Danh sách giấy tờ bổ sung<br>Thông tin TepDinhKem được định nghĩa tại mục 23 - Bảng này | Không bắt buộc |
| 26.10 | DanhSachLePhiBoSung | Kiểu collection của LePhi | Danh sách lệ phí bổ sung<br>Thông tin LePhi được định nghĩa tại mục 24 - Bảng này | Không bắt buộc |
| 26.11 | NgayHenTraTruoc | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Ngày hẹn trả trước khi bổ sung | Bắt buộc |
| 26.12 | NgayHenTraMoi | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Ngày hẹn trả mới sau khi bổ sung hồ sơ | Không bắt buộc |
| 27 | DanhSachGiayToKetQua | Kiểu collection của GiayToKetQua | Danh sách các tệp tin kết quả xử lý của hồ sơ thủ tục hành chính<br>Thông tin GiayToKetQua bao gồm các thông tin:<br>- TenGiayTo<br>- DuongDanTepTinKetQua<br>- MaThanhPhanHoSo<br>- GiayToId | Không bắt buộc |
| 27.1 | TenGiayTo | Kiểu string | Tên giấy tờ tệp tin kết quả | Không bắt buộc |
| 27.2 | DuongDanTepTinKetQua | Kiểu string | Đường dẫn tải tệp tin kết quả | Bắt buộc |
| 27.3 | MaThanhPhanHoSo | Kiểu string | Thông tin mã thành phần hồ sơ nếu tệp tin trả kết quả là danh mục kết quả xử lý của thủ tục hành chính | Không bắt buộc |
| 27.4 | GiayToId | Kiểu integer | Định danh của tệp tin kết quả trong hệ thống Cơ quan thụ lý | Không bắt buộc |

**2.2.1.2. Yêu cầu về định dạng dữ liệu gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC**

Gói tin Cập nhật tiến độ xử lý hồ sơ giải quyết TTHC (CapNhatTienDoHoSoMC) gồm 09 trường thông tin cơ bản và được biểu diễn theo cấu trúc, định dạng dựa trên XML hoặc JSON như quy định tại Bảng 3.

**Bảng 3 - Các trường thông tin CapNhatTienDoHoSoMC**

| STT | Tên trường | Định dạng dữ liệu | Mô tả | Yêu cầu |
|---|---|---|---|---|
| 1 | MaHoSo | Kiểu string | Mã hồ sơ được định nghĩa tại mục 3 của Bảng 2 (gói tin DongBoHoSoMC) | Bắt buộc |
| 2 | NguoiXuLy | Kiểu string | Tên cán bộ, chuyên viên xử lý hồ sơ | Bắt buộc |
| 3 | ChucDanh | Kiểu string | Chức vụ của cán bộ xử lý hồ sơ | Bắt buộc |
| 4 | ThoiDiemXuLy | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Thông tin thời điểm xử lý hồ sơ | Bắt buộc |
| 5 | PhongBanXuLy | Kiểu string | Đơn vị, phòng, ban xử lý hồ sơ | Không bắt buộc |
| 6 | NoiDungXuLy | Kiểu string | Nội dung xử lý hồ sơ | Không bắt buộc |
| 7 | TrangThaiXuLy | Kiểu integer | Thông tin trạng thái xử lý của hồ sơ | Không bắt buộc |
| 8 | NgayBatDau | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Ngày bắt đầu xử lý hồ sơ | Không bắt buộc |
| 9 | NgayKetThucTheoQuyDinh | Kiểu date<br>Định dạng: yyyyMMddHHmmss | Ngày kết thúc xử lý theo quy định | Không bắt buộc |

(Xem tiếp Công báo số 51 + 52)

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng